

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Khuyển và ông Hà Văn Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tông Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2025/TLST - HNGĐ MERGEFIELD "ngaythuly" ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn T năm 1992 địa chỉ: Bản Púng, xã C, tỉnh Sơn La

Bị đơn: Chị Lò Thị X năm 1992, địa chỉ: Bản Púng, xã C, tỉnh Sơn La

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn anh Lương Văn T1 trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* anh Lương Văn T1 và chị Lò Thị X1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Sơn La (trước đây là xã C, huyện S, tỉnh Sơn La) vào ngày 08/4/2019 trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng anh chị về sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra cãi vã tranh chấp, anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không ai quan tâm đến ai.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị X1.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019. Trong thời gian anh chị sống ly thân cháu ở với chị Lò Thị X1.

Nếu ly hôn, anh nhất trí giao cho cháu L Thu Huyền chị Lò Thị X1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục. Thu nhập của anh bình quân là 7.000.000 đồng/tháng nên anh nhận đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lò Thị X1 với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung:* Không kê khai, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Cam đoan không có.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lò Thị X1 trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị X1 và anh Lường Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Sơn La (trước đây là xã C, huyện S, tỉnh Sơn La) vào ngày 08/4/2019 trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng anh chị về sống được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra cãi vã tranh chấp, anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh Lường Văn T1 viết đơn yêu cầu ly hôn, ý kiến của chị là nhất trí ly hôn với anh Lường Văn T1.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019. Trong thời gian anh chị sống ly thân cháu ở với chị Lò Thị X1.

Nếu ly hôn, chị nhận trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung, nhất trí với ý kiến của anh L Văn T1 nhận đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lò Thị X1 với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung:* Không kê khai, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Cam đoan không có.

***Kết quả xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại địa phương nơi các đương sự sinh sống cho thấy:***

Về hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2019 UBND xã C, tỉnh Sơn La (trước đây là xã C, huyện S, tỉnh Sơn La). Cuộc sống hôn nhân của anh Lường Văn T1 và chị Lò Thị X1 có mâu thuẫn do anh chị không hợp tính nhau; anh chị đã được hòa giải nhưng không thành; đã ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019. Trong thời gian anh chị sống ly thân các cháu ở với chị Lò Thị X1.

***Kết quả ghi ý kiến con chung:*** Cháu Lường Thu H dưới 07 tuổi nên Tòa án không ghi ý kiến.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Lường Văn T1, chị Lò Thị X1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Xử cho anh L Văn Thư được ly hôn chị Lò Thị X1 . Giao cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019 cho chị Lò Thị X1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc anh Lường Văn T1 tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu H là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Anh Lường Văn T1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lường Văn T1 yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Lò Thị X1 có địa chỉ tại bản Púng, xã C, tỉnh Sơn La Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Tại phiên tòa hôm nay và qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh Lường Văn T1 và chị Lò Thị X1 đăng ký kết hôn từ 09/4/2019 tại UBND xã C, tỉnh Sơn La (trước đây là xã C, huyện S, tỉnh Sơn La). Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên hôn nhân giữa anh Lường Văn T1 và chị Lò Thị X1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng tỏ lời khai của các đương sự là đúng sự thật. Việc vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không quan tâm gì đến nhau; vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau; mâu thuẫn của anh chị

đã được hòa giải nhưng không thành là có thật. Mặt khác, anh Lương Văn T1 cương quyết yêu cầu ly hôn, chị Lò Thị X1 cũng nhất trí ly hôn càng chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Văn T1 và chị Lò Thị X1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu, cho anh L Văn Thư được ly hôn chị Lò Thị X1.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lương Thu H, sinh ngày 20/6/2019

Xét thấy cháu dưới 07 tuổi nên Tòa án không ghi ý kiến nguyện vọng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị X1 và anh Lương Văn T1 cùng có ý kiến giao cháu Lương Thu H cho chị Lò Thị X1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy ý kiến của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và phù hợp với thực tế, cháu Lương Thu H là con gái cần sự chăm sóc giáo dục trực tiếp của người mẹ, anh T1 đang làm công nhân xa nhà phải ở trọ không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận ý kiến của các bên đương sự.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Lương Văn T1 tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thu H với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, chị Lò Thị X1 nhất trí. Xét ý kiến của các bên đương sự là tự nguyện phù hợp với khả năng thực tế của anh Lương Văn T1 và nhu cầu thiết yếu của cháu Lương Thu H, phù hợp với quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Buộc anh Lương Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thu H với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lương Thu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị đều cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Anh Lương Văn T1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh L Văn Thư được ly hôn chị Lò Thị X1.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019.

Giao cháu Lường Thu H, sinh ngày 20/6/2019 cho chị Lò Thị X1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.*

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh L Văn Thư phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lường Thu H với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lường Thu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Buộc anh Lường Văn T1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai số 0000876 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, anh Lường Văn T1 còn phải nộp 300.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Anh Lường Văn T1, chị Lò Thị X1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Sơn La;
- UBND xã Chiềng Khoong, tỉnh Sơn La
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mai**

